

MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày:

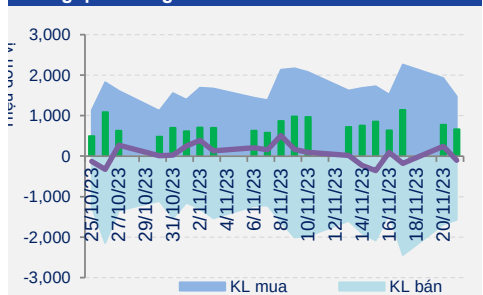
21/11/2023

DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG

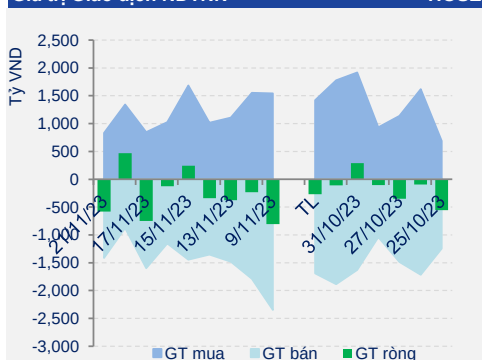
Thông kê thị trường	HOSE	HNX
Index	1,110.46	229.80
% Thay đổi	↑ 0.62%	↑ 0.89%
KLGD (CP)	663,117,893	98,665,079
GTGD (tỷ đồng)	14,858.79	2,078.35
Tổng cung (CP)	1,573,869,071	165,386,000
Tổng cầu (CP)	1,472,644,089	144,078,300

Giao dịch NĐTNN	HOSE	HNX
KL bán (CP)	50,195,766	681,093
KL mua (CP)	25,125,984	637,271
GT mua (tỷ đồng)	829.03	20.99
GT bán (tỷ đồng)	1,412.00	14.17
GT ròng (tỷ đồng)	(582.97)	6.82

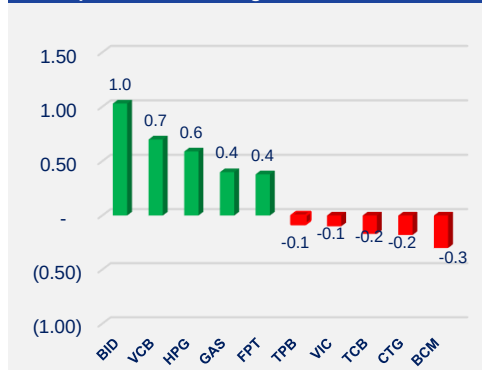
Tương quan cung cầu



Giá trị Giao dịch NĐTNN



Các cổ phiếu có ảnh hưởng nhất đến VN-INDEX



Tâm lý thị trường lạc quan trở lại khi VN-INDEX giữ được vùng hỗ trợ tâm lý 1.100 điểm, VN-INDEX đầu phiên tăng giá lên quanh vùng 1.110 điểm với thanh khoản dưới mức trung bình, sau đó chịu áp lực rung lắc kiểm tra lại vùng hỗ trợ 1.100 điểm trong phiên chiều. Lực cầu gia tăng tốt ở vùng hỗ trợ với thanh khoản cải thiện tốt hơn phiên sáng, qua đó kết phiên VN-INDEX tăng 6,80 điểm (+0,62%) lên mức 1.110,46 điểm, hướng đến vùng giá trung bình MA200 phiên tương ứng 1.115 điểm. HNX-INDEX tăng 2,03 điểm (+0,89%) lên 229,80 điểm. Độ rộng trên 2 sàn niêm yết tích cực trở lại với 425 mã tăng giá (09 mã tăng trần), 231 mã giảm giá (07 mã giảm sàn) và 167 mã tham chiếu.

Giá trị giao dịch trên hai sàn niêm yết đạt 16.931,1 tỷ đồng, giảm 10,58% so với phiên trước, ở mức trung bình. Thanh khoản giảm khá mạnh tại nhóm cổ phiếu vốn hóa lớn VN30, nhiều mã phục hồi kém sau khi chịu áp lực điều chỉnh, trong khi nhiều mã vốn hóa trung bình vẫn thu hút lực cầu với thanh khoản gia tăng tốt cho thấy dòng tiền phân hóa mạnh. Nhà đầu tư nước ngoài gia tăng giao dịch, bán ròng 582,97 tỷ đồng trên HOSE, tập trung bán ròng đột biến ở cổ phiếu VPB; mua ròng trên HNX với giá trị 6,82 tỷ đồng.

Ngày 15/11/2023, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 69/2023/TT-BTC sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 57/2021/TT-BTC quy định lộ trình sắp xếp lại thị trường giao dịch cổ phiếu, thị trường giao dịch trái phiếu, thị trường giao dịch chứng khoán phái sinh và thị trường giao dịch các loại chứng khoán khác. Theo đó sẽ không tiếp nhận niêm yết cổ phiếu mới trên sàn HNX từ ngày 1/7/2025 và chậm nhất đến hết năm 2026 sẽ hoàn thành việc chuyển toàn bộ cổ phiếu từ sàn HNX lên sàn HOSE.

Điểm sáng trong phiên là nhóm cổ phiếu dầu khí với nhiều mã tăng giá mạnh với thanh khoản đột biến như PVS (+5,19%), PVD (+4,12%), PVC (+4,11%), PVB (+3,72%), PVT (+3,23%). Các cổ phiếu phân bón, hóa chất cũng có diễn biến tích cực với thanh khoản cải thiện như LAS (+2,96%), DCM (+2,73%), BFC (+1,97%), DGC (+1,71%). Cổ phiếu xây dựng, vật liệu xây dựng cũng có diễn biến nổi bật, nhiều mã tăng giá mạnh, thanh khoản tăng đột biến như TV2 (+6,96%), HBC (+6,88%), CTD (+5,28%), C69 (+4,55%), CII (+3,24%), FCN (+2,12%)...

Trong khi đó các cổ phiếu ngân hàng tiếp tục có diễn biến kém tích cực, đa số dao động quanh mức tham chiếu, thanh khoản suy giảm dưới mức trung bình như BID (+1,85%), LPB (+1,63%), VAB (+1,49%), EIB (+0,82%), BVB (-0,94%), TPB (-0,87%), TCB (-0,65%). Cổ phiếu nhóm bất động sản cũng không có nhiều diễn biến nổi bật, phân hóa với thanh khoản thấp, ngoại trừ một số mã đột biến như NTL (+6,83%), NHA (+5,16%), các mã khác đa số phân hóa mạnh và mức độ phục hồi kém với thanh khoản giảm.

Trên thị trường phái sinh, kỳ hạn VN30F2312 tăng 9 điểm (+0,82%), chênh lệch dương 2,40 điểm so với VN30. Khối lượng giao dịch giảm 17,51% so với phiên trước, trên mức trung bình. Diễn biến này cho thấy các vị thế đầu cơ trong phiên giảm và có thể dịch chuyển trở lại thị trường cơ sở. Các kỳ hạn VN30F2401, VN30F2403, VN30F2406 chênh lệch từ -0,70 điểm đến -5,40 điểm, mức chênh lệch thu hẹp, thể hiện các trader đang khá lạc quan với xu hướng ngắn hạn của VN30 và có thể dịch chuyển trở lại thị trường cơ sở khi có nhiều cơ hội sinh lợi ngắn hạn tốt.

NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG



Thị trường tiếp tục phục hồi tích cực sau phiên giảm điểm mạnh, VnIndex tăng +6,80 điểm (+0,62%), đóng cửa ở 1.110,46 điểm, duy trì trên vùng hỗ trợ 1.100 điểm và hướng đến đường giá trung bình MA200. Thị trường vẫn đang hình thành khu vực cân bằng cho quá trình tích lũy. Xét dưới góc nhìn ngắn hạn, với trạng thái hồi phục tích cực đang được duy trì, chúng tôi cho rằng khu vực cân bằng mới để tích lũy có khả năng trong vùng điểm số 1.100 điểm - 1.150 điểm. Tuy nhiên nhịp hồi phục này mang tính kỹ thuật với động lực tăng chưa thực sự bền vững.

Về góc nhìn trung hạn, sau giai đoạn giảm sâu, thị trường cần vận động để tiến tới vùng cân bằng mới và tích lũy lại, với biên độ giao động rộng nên thời gian hình thành nền mới sẽ kéo dài. Chúng tôi đánh giá nhiều khả năng VnIndex sẽ vận động kéo dài trong khu vực 1.100 điểm - 1.150 điểm để hình thành nền tích lũy trung hạn.

Tình hình vĩ mô trong nước mặc dù ổn định với thống kê tăng trưởng GDP các quý đang tăng dần nhưng tốc độ tăng trưởng không đạt kỳ vọng, tăng trưởng tín dụng yếu cho thấy nền kinh tế đang có khả năng hấp thụ vốn thấp, những khó khăn đối với thị trường BDS và đặc biệt là thị trường trái phiếu vẫn chưa có bước chuyển biến căn cơ. Tình hình kinh tế toàn cầu hiện cũng đang khó lường khi kinh tế toàn cầu vẫn bất ổn và tăng trưởng thấp đặc biệt là khu vực EU có nhiều nền kinh tế bước vào suy thoái như Đức, Hà Lan... Việc giá năng lượng có xu hướng tăng khi mùa đông đang đến gần cũng tạo thêm nguy cơ lạm phát tiếp tục tăng trở lại. Với tình trạng vĩ mô tốt xấu đan xen, việc thị trường hướng tới vận động tìm điểm cân bằng lại để tích lũy là phù hợp.

Thị trường trong ngắn hạn đang vận động lóng lẻo nhưng nhịp hồi phục đã hình thành như chúng tôi dự báo. Vn-Index đang test lại ngưỡng hỗ trợ 1.100 điểm và nếu kiểm định thành công thì có thể nối dài đà hồi phục lên ngưỡng cản gần nhất là 1.150 điểm. Nhà đầu tư ngắn hạn có thể giải ngân khi chỉ số kiểm định hỗ trợ thành công tuy nhiên tỷ trọng cổ phiếu được khuyến nghị ở mức trung bình thấp do đây là nhịp hồi, không phải xu hướng uptrend tiếp diễn. Với tầm nhìn trung, dài hạn, chúng tôi đánh giá rủi ro trung dài hạn không cao khi thị trường dù mất xu hướng uptrend nhưng đang tìm điểm cân bằng mới và tích lũy lại. Nhà đầu tư trung hạn có thể chờ đợi các nhịp điều chỉnh để xem xét giải ngân khi mặt bằng giá vẫn đang ở vùng hấp dẫn. Hướng giải ngân nên lựa chọn các cổ phiếu đầu ngành có nền tảng cơ bản tốt, các cổ phiếu có tiềm năng tăng trưởng ổn định đang vận động trong trạng thái tích lũy hiện nay.

Quý nhà đầu tư có thể tham khảo các mã cổ phiếu trong danh mục khuyến nghị đính kèm để có lựa chọn phù hợp!



MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày:

21/11/2023

DANH SÁCH CỔ PHIẾU THEO DÕI

Mã	Giá hiện tại (1.000đ)	Vùng mua dự kiến (1.000 đ)	Giá mục tiêu (1.000 đ)	Giá dừng lỗ (1.000đ)	Thông số cơ bản			Điều kiện giải ngân
					P/E	T.trưởng Doanh thu	T.trưởng Lợi nhuận	
PVS	38.50	34-35	39	33	20.9	19.2%	-26.6%	Theo dõi giải ngân
BFC	23.30	19.5-21	26-27	18	10.4	18.5%	1227.6%	Theo dõi giải ngân
VGC	52.30	49-51	60-62	48	17.0	8.1%	86.6%	Theo dõi giải ngân
LSS	11.30	10.5-11.5	15-16	9.5	21.6	55.1%	116.4%	Theo dõi giải ngân
PVD	27.80	26.5-27.5	30-31	25	35.6	11.2%	546.3%	Theo dõi giải ngân
PVP	13.80	13-14	17.5-18.5	12	7.6	75.4%	-68.3%	Theo dõi giải ngân

DANH SÁCH KHUYẾN NGHỊ ĐANG MỞ

Ngày mở vị thế	Mã	Giá hiện tại (1.000đ)	Giá mua (1.000đ)	Giá mục tiêu (1.000 đ)	Giá dừng lỗ (1.000đ)	Hiệu quả đầu tư (%)	Cập nhật Vị thế/trạng thái
19/5/2023	DPR	30.7	25.9	35-37	30	18.5%	Nắm giữ
1/11/2023	KBC	32.1	25.8	31-32	30	24.4%	Nắm giữ
1/11/2023	BVS	25.5	22.3	26-27	24	14.3%	Nắm giữ
1/11/2023	DTD	23.9	18.6	26-27	22	28.5%	Nắm giữ
2/11/2023	CTD	65.8	52	65-67	61	26.5%	Nắm giữ
2/11/2023	PLC	30.3	26.8	30-31	29	13.1%	Nắm giữ
8/11/2023	PVT	25.6	24.45	30-31	24	4.5%	Nắm giữ
8/11/2023	PHR	47.1	45.1	52-53	46	4.3%	Nắm giữ

**TIN VĨ MÔ****Tỉnh miền Bắc có thêm khu công nghiệp hỗ trợ 2.300 tỷ đồng**

Phó Thủ tướng Lê Minh Khái vừa ký Quyết định số 1439/QĐ-TTg ngày 20/11/2023 của Thủ tướng Chính phủ về chủ trương đầu tư dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp hỗ trợ Đồng Văn III phía Đông đường cao tốc cầu Giẽ - Ninh Bình. Cụ thể: Chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận Công ty cổ phần đầu tư bất động sản Taseco là nhà đầu tư Dự án. Quy mô sử dụng đất của dự án là 223 ha. Tổng vốn đầu tư của dự án 2.320,277 tỷ đồng, trong đó vốn góp của nhà đầu tư là 348,041 tỷ đồng. Thời hạn hoạt động của dự án là 50 năm kể từ ngày dự án được chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư.

Toàn cảnh tăng trưởng GDP quý 3/2023 của ASEAN-6

Tính đến thời điểm hiện tại, toàn bộ 6 nền kinh tế thuộc ASEAN-6 bao gồm Singapore, Indonesia, Việt Nam, Thái Lan, Malaysia và Philippines đã công bố tăng trưởng GDP quý 3/2023. Trong đó, Philippines là quốc gia có tăng trưởng kinh tế cao nhất khu vực ASEAN-6, với tăng trưởng GDP đạt 5,17%. Với tăng trưởng GDP ở mức 5,33%, kinh tế Việt Nam đứng thứ hai trong khối các nước ASEAN-6 về kết quả tăng trưởng GDP trong quý 3/2023. Indonesia đánh mất vị trí dẫn đầu khi chỉ xếp ở vị trí thứ 3 với tăng trưởng GDP ghi nhận ở mức 4,94%. Theo sau là Malaysia với tăng trưởng GDP quý 3/2023 đạt 3,3% so với cùng kỳ. Xếp vị trí thứ 5 và thứ 6 lần lượt là Thái Lan và Singapore, với tăng trưởng GDP lần lượt đạt 1,5% và 0,7%.

Intel cam kết sẽ tiếp tục mở rộng đầu tư tại Việt Nam

Trong khuôn khổ Diễn đàn Thương mại Việt Nam – Hoa Kỳ do Bộ Công thương phối hợp với Phòng Thương mại Hoa Kỳ tại Việt Nam tổ chức, Tập đoàn Intel cho biết, doanh nghiệp đã đầu tư 1,5 tỷ USD vào Việt Nam. Tính từ năm 2010 đến nay, tập đoàn đã xuất khẩu 80 tỷ USD. Riêng trong năm 2023, tổng kim ngạch xuất khẩu của Intel dự kiến đạt 10-11 tỷ USD. Đặc biệt, có đến 70% sản lượng chip Intel sản xuất phục vụ khu vực đến từ nhà máy Intel tại Việt Nam. Bên cạnh đó, doanh nghiệp cam kết sẽ tiếp tục mở rộng đầu tư hơn nữa tại Việt Nam trong thời gian tới.

**TIN DOANH NGHIỆP****Kỳ lân công nghệ VNG bị phạt**

Ủy ban Chứng khoán Nhà nước vừa ban hành quyết định xử phạt CTCP VNG vì không công bố báo cáo tài chính. Cụ thể, VNG bị phạt 85 triệu đồng vì lỗi công bố thông tin, không công bố báo cáo tài chính riêng và hợp nhất bán niên năm 2023 đã được soát. VNG công bố không đúng thời hạn với các tài liệu: Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất năm 2022 đã được kiểm toán; báo cáo thường niên năm 2022.

Tập đoàn Hoà Phát liên tục tăng giá bán sản phẩm thép, tôn mạ

Ngày 20/11/2023, Công ty TNHH Tôn Hoà Phát vừa có thông báo tăng giá bán 200 đồng/kg với mặt hàng Tôn mạ màu và Tôn mạ lạnh (đã bao gồm VAT). Thời gian áp dụng từ 22/11/2023. Nguyên nhân do nguyên liệu cán nóng đang tăng mạnh. Động thái tăng giá bán của Hòa Phát diễn ra trong bối cảnh giá bán lẻ điện bình quân vừa được điều chỉnh tăng thêm 4,5%, lên 2.006,79 đồng/kWh. Không chỉ giá điện, các yếu tố đầu vào của ngành thép cũng rục rịch tăng giá. Giá than hiện thấp hơn mức kỷ lục cùng kỳ nhưng vẫn cao hơn khoảng 1,5-3 lần so với giai đoạn 2020-2021. Về tình hình sản xuất kinh doanh, sau 10 tháng, Hòa Phát đã sản xuất 5,43 triệu tấn thép thô (-18% YoY). Sản lượng bán hàng thép các loại đạt 5,25 triệu tấn (-15% YoY).

VietinBank chốt quyền phát hành 564 triệu cp trả cổ tức

VietinBank dự kiến phát hành cổ phiếu để trả cổ tức với tỷ lệ 11,7415% (cổ đông sở hữu 1 triệu cp được nhận 117.415 cp mới), nâng vốn điều lệ từ 48,058 tỷ đồng lên 53.701 tỷ đồng. Nguồn vốn phát hành từ lợi nhuận sau thuế, sau trích quỹ và chia cổ tức bằng tiền mặt năm 2020. Ngày giao dịch không hưởng quyền là 30/11/2023.

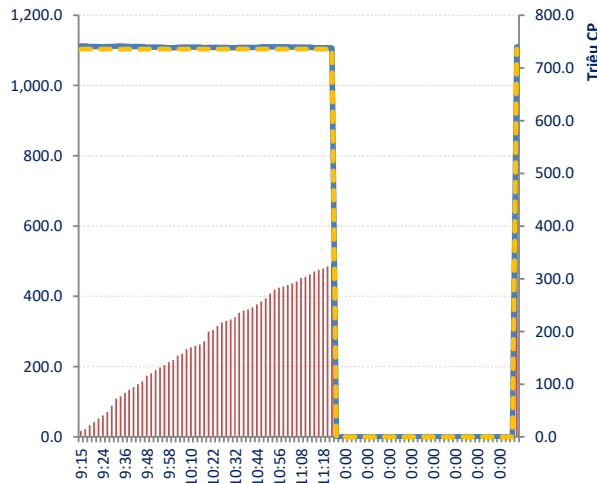
Bac A Bank chuẩn bị niêm yết lô trái phiếu hơn 791 tỷ đồng

Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội vừa thông báo đã nhận được bộ hồ sơ đăng ký niêm yết hơn 7,91 triệu trái phiếu phát hành ra công chúng năm 2022 của Ngân hàng TMCP Bắc Á với mã là BAB202203-07L. Đây là loại trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có tài sản bảo đảm, là nợ thứ cấp và thỏa mãn các điều kiện để tính vào vốn cấp 2 của tổ chức phát hành. Mệnh giá 100.000 đồng/trái phiếu, kỳ hạn 7 năm. Thời gian dự kiến mua lại trái phiếu là 18 tháng kể từ ngày phát hành.

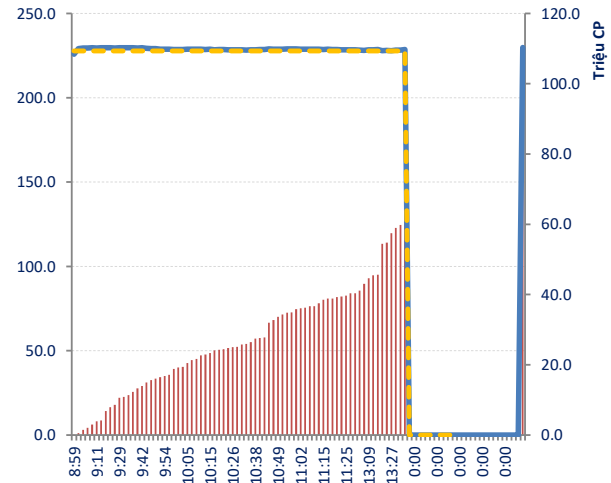


THỐNG KÊ GIAO DỊCH

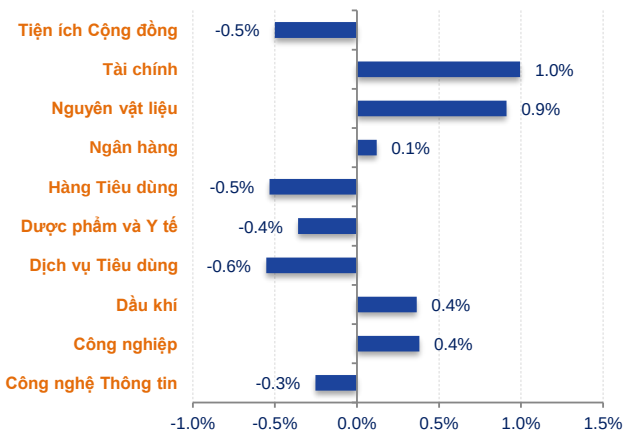
KLGD và VN-Index trong phiên



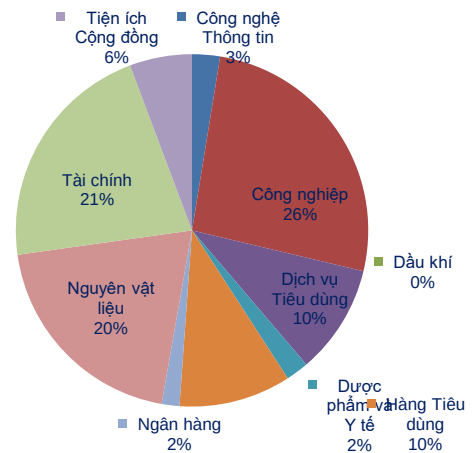
KLGD và HNX-Index trong phiên



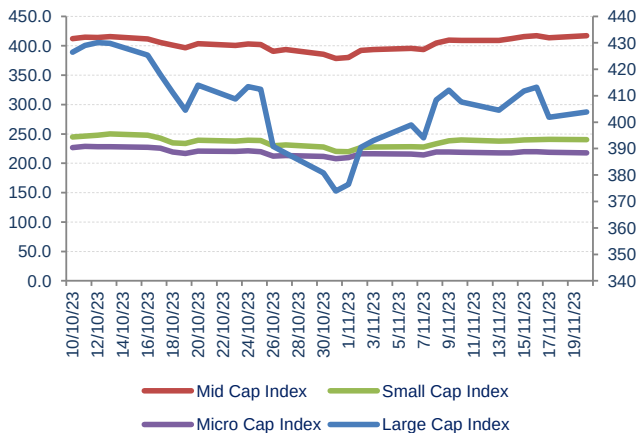
Biến động giá phân theo nhóm Ngành



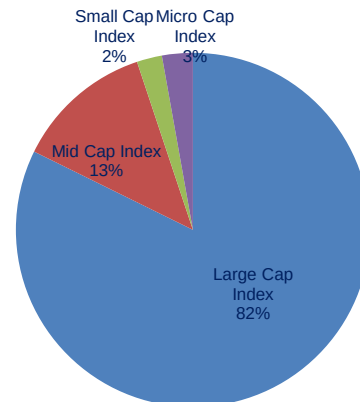
Giá trị giao dịch phân theo nhóm Ngành



Chuỗi Index theo nhóm vốn hóa



Giá trị giao dịch theo nhóm vốn hóa



Nhóm vốn hóa được phân loại bởi StoxPlus:

Large Cap: Vốn hóa trên 5000 tỷ
Mid Cap: Vốn hóa từ 1000 - 5000 tỷ
Small Cap: Vốn hóa từ 500 - 1000 tỷ
Micro Cap: Vốn hóa dưới 500 tỷ



THỐNG KÊ GIAO DỊCH

HOSE

HNX

Top 5 CP NĐT nước ngoài mua và bán nhiều nhất

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng	TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	SSI	1,864,053	VPB	10,717,731	1	IDC	194,000	PVS	874,300
2	VND	1,487,880	FUESSVFL	3,248,300	2	CEO	46,800	TNG	206,287
3	LPB	532,400	VRE	2,597,036	3	MBS	29,800	MST	130,300
4	HSG	422,832	VNM	1,694,040	4	EVS	10,000	TTH	108,800
5	BID	358,897	VHM	1,359,222	5	VC9	6,000	PLC	49,500

Top 5 CP có KLGD lớn nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD	Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
VIX	16.80	16.20	↓ -3.57%	61,247,668	SHS	18.10	17.40	↓ -3.87%	53,744,066
HPG	27.20	26.50	↓ -2.57%	43,382,435	CEO	23.50	22.80	↓ -2.98%	26,139,595
DIG	26.10	25.60	↓ -1.92%	36,156,190	PVS	37.40	36.40	↓ -2.67%	8,479,079
NVL	16.75	16.10	↓ -3.88%	35,814,236	HUT	20.50	19.90	↓ -2.93%	7,683,599
HAG	9.00	9.12	↑ 1.33%	34,637,564	MBS	21.50	20.60	↓ -4.19%	7,175,900

Top 5 CP tăng giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%	Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
KPF	4.94	5.28	0.34	↑ 6.88%	WCS	167.20	183.90	16.70	↑ 9.99%
CLW	31.85	34.00	2.15	↑ 6.75%	BAX	43.50	47.80	4.30	↑ 9.89%
ITA	5.56	5.93	0.37	↑ 6.65%	SFN	19.40	21.30	1.90	↑ 9.79%
DLG	2.26	2.41	0.15	↑ 6.64%	VDL	11.50	12.60	1.10	↑ 9.57%
QCG	11.30	12.05	0.75	↑ 6.64%	NAP	6.30	6.90	0.60	↑ 9.52%

Top 5 CP giảm giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%	Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
SVC	36.40	33.90	-2.50	↓ -6.87%	DHP	13.20	11.90	-1.30	↓ -9.85%
FDC	13.25	12.35	-0.90	↓ -6.79%	VTC	11.50	10.40	-1.10	↓ -9.57%
PNC	9.60	8.95	-0.65	↓ -6.77%	SJ1	17.80	16.10	-1.70	↓ -9.55%
VIC	45.10	42.20	-2.90	↓ -6.43%	BST	15.60	14.20	-1.40	↓ -8.97%
PGI	25.00	23.50	-1.50	↓ -6.00%	PIC	14.50	13.20	-1.30	↓ -8.97%

(*) Giá điều chỉnh



CHỈ SỐ TÀI CHÍNH

Top KLGD lớn nhất HOSE

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
VIX	61,247,668	8.2%	1,005	16.8	1.3
HPG	43,382,435	1.9%	322	82.8	1.6
DIG	36,156,190	1.4%	182	143.1	2.0
NVL	35,814,236	-1.4%	(309)	-	0.7
HAG	34,637,564	18.6%	1,070	8.8	1.7

Top KLGD lớn nhất HNX

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
SHS	53,744,066	5.4%	643	28.0	1.4
CEO	26,139,595	6.7%	955	24.0	1.9
PVS	8,479,079	6.7%	1,846	19.8	1.3
HUT	7,683,599	0.8%	122	163.5	1.6
MBS	7,175,900	10.4%	1,104	19.4	1.9

Top Đột biến giá HOSE

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
KPF	↑ 6.9%	9.2%	1,175	4.4	0.4
CLW	↑ 6.8%	22.0%	4,328	8.4	1.8
ITA	↑ 6.7%	-2.1%	(232)	-	0.6
DLG	↑ 6.6%	-38.5%	(1,548)	-	0.6
QCG	↑ 6.6%	-0.2%	(32)	-	0.8

Top Đột biến giá HNX

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
WCS	↑ 10.0%	30.5%	25,792	7.3	2.0
BAX	↑ 9.9%	8.0%	2,232	20.2	1.7
SFN	↑ 9.8%	12.9%	3,262	6.5	0.8
VDL	↑ 9.6%	-14.2%	(1,839)	-	1.1
NAP	↑ 9.5%	8.5%	942	8.0	0.7

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HOSE

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
SSI	1,864,053	8.9%	1,346	24.1	2.1
VND	1,487,880	7.8%	957	22.2	1.6
LPB	532,400	14.3%	1,728	8.9	1.2
HSG	422,832	0.2%	37	584.6	1.2
BID	358,897	17.6%	3,887	11.1	1.8

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HNX

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
IDC	194,000	17.0%	3,177	15.9	3.0
CEO	46,800	6.7%	955	24.0	1.9
MBS	29,800	10.4%	1,104	19.4	1.9
EVS	10,000	5.9%	688	13.1	0.8
VC9	6,000	42.7%	811	7.4	1.6

Top Vốn hóa HOSE

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
VCB	481,221	22.6%	6,013	14.3	3.0
BID	218,275	17.6%	3,887	11.1	1.8
GAS	179,835	19.0%	5,283	14.8	2.9
VHM	169,603	25.0%	9,468	4.1	0.9
VIC	162,855	2.7%	977	43.7	1.1

Top Vốn hóa HNX

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
HUT	17,761	0.8%	122	163.5	1.6
PVS	17,494	6.7%	1,846	19.8	1.3
IDC	16,632	17.0%	3,177	15.9	3.0
SHS	14,637	5.4%	643	28.0	1.4
THD	13,860	2.9%	460	78.3	2.3

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HOSE

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
PIT	2.74	-0.6%	(47)	-	0.9
CTS	2.67	7.9%	1,020	26.7	2.0
AGR	2.55	6.3%	727	21.3	1.4
FCN	2.52	1.1%	232	60.9	0.7
CII	2.51	0.8%	262	64.8	0.6

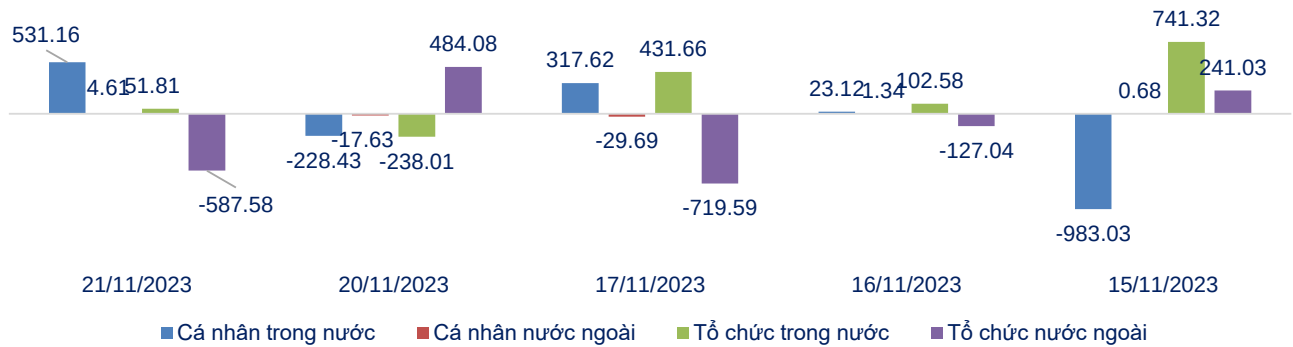
Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HNX

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
HUT	2.55	0.8%	122	163.5	1.6
SHS	2.41	5.4%	643	28.0	1.4
VC7	2.35	6.2%	657	26.2	1.6
EVS	2.32	5.9%	688	13.1	0.8
VIG	2.30	6.8%	501	15.4	1.1



THỐNG KÊ GIAO DỊCH THEO LOẠI NĐT

Giá trị ròng theo loại hình NĐT 5 phiên gần nhất (tỷ đồng)



Top Mua ròng Cá nhân trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
MWG	157.21	3.0%	476	85.2	2.5
VNM	152.80	24.4%	4,029	17.2	4.3
HPG	106.71	1.9%	322	82.8	1.6
EIB	76.40	8.3%	1,013	18.2	1.5
TCB	75.66	14.2%	4,864	6.4	0.9

Top Bán ròng Cá nhân trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
SSI	-90.14	8.9%	1,346	24.1	2.1
NVL	-88.94	-1.4%	(309)	-	0.7
PDR	-43.76	1.6%	200	142.3	2.2
HSG	-40.74	0.2%	37	584.6	1.2
STB	-39.20	17.5%	3,825	7.6	1.3

Top Mua ròng Cá nhân nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
CTG	2.08	15.7%	3,773	7.8	1.2
SAB	1.47	16.5%	3,286	19.2	3.0
DXG	1.07	-2.0%	(456)	-	0.9
VHM	0.81	25.0%	9,468	4.1	0.9
NVL	0.78	-1.4%	(309)	-	0.7

Top Bán ròng Cá nhân nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
SSI	-3.81	8.9%	1,346	24.1	2.1
SHB	-1.28	15.9%	2,036	5.5	0.8
PDR	-1.27	1.6%	200	142.3	2.2
DGC	-1.25	29.7%	9,010	10.4	2.8
VRE	-1.10	11.8%	1,818	12.4	1.4

Top Mua ròng Tổ chức trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
NVL	89.29	-1.4%	(309)	-	0.7
FUEVFNVD	32.47	N/A	N/A	N/A	N/A
GEX	29.35	2.0%	511	42.9	0.9
VHM	29.00	25.0%	9,468	4.1	0.9
PNJ	23.81	19.8%	5,505	14.4	2.7

Top Bán ròng Tổ chức trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
TCB	-75.66	14.2%	4,864	6.4	0.9
EIB	-71.85	8.3%	1,013	18.2	1.5
CTR	-39.76	29.0%	4,346	19.5	5.3
HDB	-38.53	20.7%	2,926	6.4	1.3
HPG	-36.97	1.9%	322	82.8	1.6

Top Mua ròng Tổ chức nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
SSI	93.48	8.9%	1,346	24.1	2.1
STB	73.86	17.5%	3,825	7.6	1.3
HSG	33.78	0.2%	37	584.6	1.2
VCG	33.27	2.8%	516	44.8	1.2
DGC	31.07	29.7%	9,010	10.4	2.8

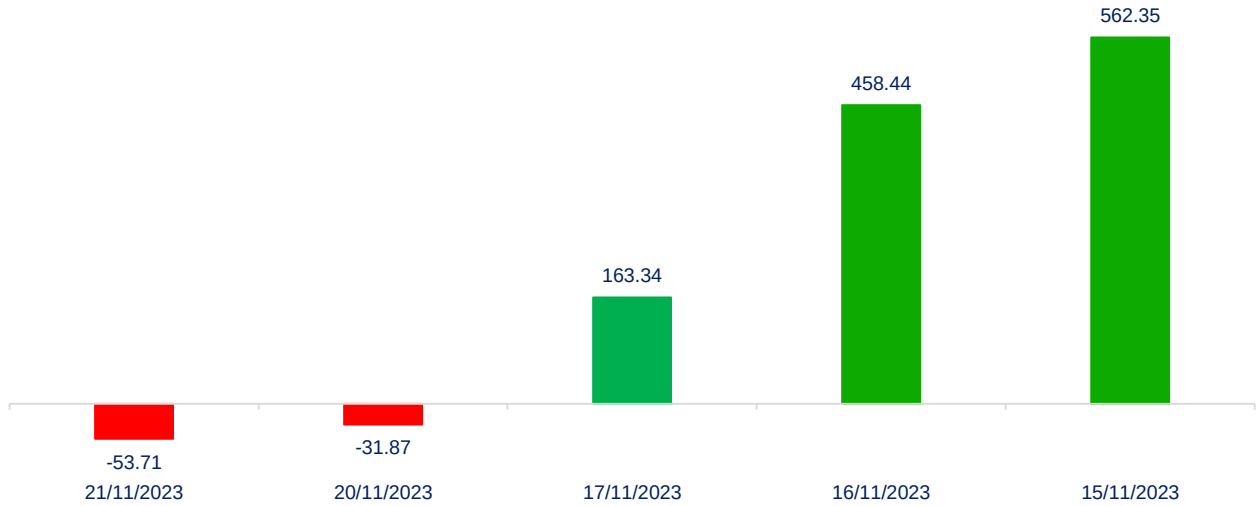
Top Bán ròng Tổ chức nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VNM	-135.43	24.4%	4,029	17.2	4.3
MWG	-130.03	3.0%	476	85.2	2.5
VHM	-72.93	25.0%	9,468	4.1	0.9
HPG	-69.83	1.9%	322	82.8	1.6
VCB	-35.09	22.6%	6,013	14.3	3.0

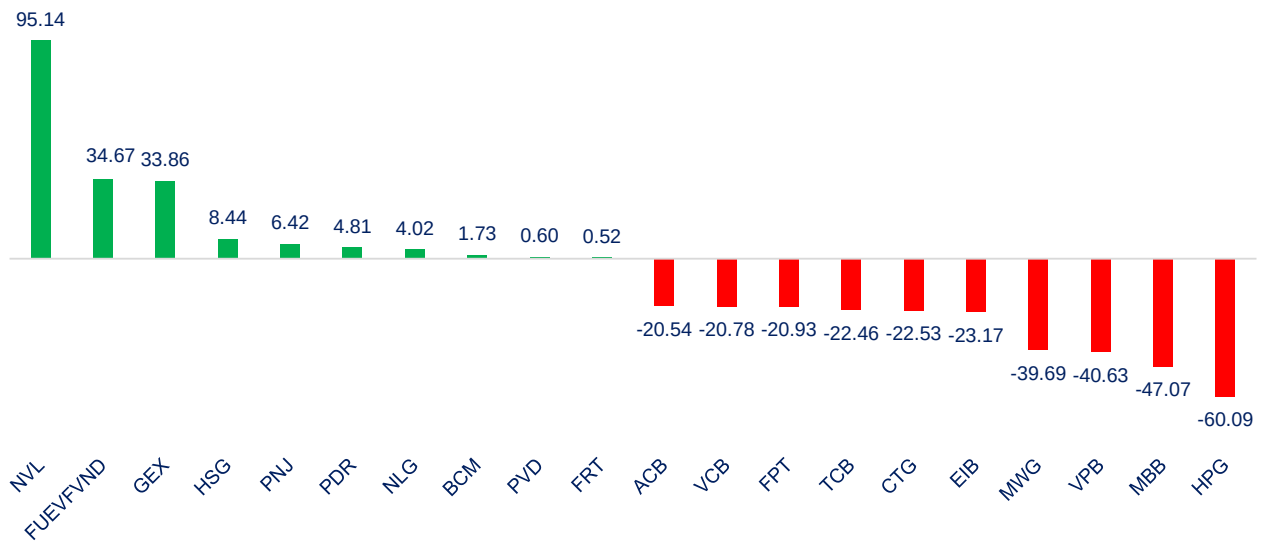


THÔNG KÊ GIAO DỊCH TỰ DOANH

Giá trị giao dịch ròng của tự doanh trong 5 phiên gần nhất (tỷ đồng)



Top cổ phiếu mua/ bán ròng của tự doanh trên HOSE (tỷ đồng)





Website: www.shs.com.vn

Chịu trách nhiệm nội dung:

Phó phòng: Hồ Ngọc Việt Cường
cuong.hnv2@shs.com.vn

Tổ trưởng nghiệp vụ: Phan Tấn Nhật
nhat.pt@shs.com.vn

Chuyên viên: Bùi Mạnh Kiên
kien.bm@shs.com.vn

Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.

Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin mà không hàm ý khuyên người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo.

SHS có thể có những hoạt động hợp tác kinh doanh với các đối tượng được đề cập đến trong báo cáo này. Người đọc cần lưu ý rằng SHS có thể có những xung đột lợi ích đối với các nhà đầu tư khi thực hiện báo cáo nghiên cứu phân tích này.

Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi FiinGroup và Fialda

Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ:

Phòng Phân tích - Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội

Trụ sở chính tại Hà Nội

Tầng 1-5, Tòa nhà Unimex Hà Nội,
Số 41 Ngô Quyền, Hàng Bài,
Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: 84.24.38181888
Fax: 84.24.38181688
Email: contact@shs.com.vn

Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 3, Cao ốc Sài Gòn
Metropolitan, 235 Đồng Khởi,
Phường Bến Nghé, Quận 1, TP
HCM
Tel: 84.28.39151368
Fax: 84.28.39151369
Email: contact-hcm@shs.com.vn

Chi nhánh Đà Nẵng

Tầng 8, Tòa nhà Thành Lợi 2,
Số 03 Lê Đình Lý, Phường Vĩnh
Trung, Quận Thanh Khê, Thành
phố Đà Nẵng
Tel: 84.236.3525777
Fax: 84.236.3525779
Email: contact-dn@shs.com.vn